

NAFTIZINE

(Viên nén bao phim)

THÀNH PHẦN:

Naftidrofuryl oxalat.....200 mg
Tá dược.....vừa đủ.....1 viên
Lactose, Tinh bột ngô, Povidon (PVP) K 30, Talc,
Magnesi stearat, PEG 6000, Titan dioxyd, HPMC 606,
Ethanol 96%, Nước tinh khiết.

Đặc tính dược lực học:

Thuốc chống co mạch.

Naftidrofuryl có tác động ức chế thụ thể 5HT₂, tác dụng gây co mạch trên động vật và tác dụng gây kết tập tiểu cầu của serotonin trên động vật và trên người.

Đặc tính dược động học:

Hấp Thu:

Thuốc được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa: 2 đến 3 giờ sau khi uống, thuốc đạt nồng độ tối đa trong huyết tương.

Phân Phối:

Tỉ lệ gắn với protein huyết tương chiếm 80%. Naftidrofuryl qua được hàng rào máu não và có thể cả hàng rào nhau thai.

Chuyển Hóa:

Naftidrofuryl chủ yếu được chuyển hóa bằng quá trình thủy phân, cho ra nhiều chất chuyển hóa không có hoạt tính khác nhau.

Đào thải:

Khoảng 80% thuốc uống vào được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng chất chuyển hóa đã được liên hợp. Thời gian bán thải của thuốc vào khoảng từ 3 đến 4 giờ.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị triệu chứng đau cách hồi của viêm động mạch tắc nghẽn mãn tính chi dưới (giai đoạn II).

Điều trị chứng sa sút trí tuệ người già, mất khả năng nhận thức (ngoại trừ bệnh Alzheimer).

Được đề nghị điều trị sau tai biến hay bệnh lý thiếu máu cục bộ não.

Điều trị hỗ trợ hội chứng Raynaud.

Điều trị các di chứng sau đột quỵ (như rối loạn vận động và cảm giác)

LIỀU DÙNG - CÁCH DÙNG:

Đối với bệnh viêm động mạch chi dưới và tai biến mạch máu não: 3 viên mỗi ngày, chia làm 3 lần, tương đương với 600 mg Naftidrofuryl oxalat/ngày.

Đối với những trường hợp sa sút trí tuệ người già, mất khả năng nhận thức sau tai biến thiếu máu cục bộ não, hội chứng Raynaud: 2 viên mỗi ngày, chia làm 2 lần, tương đương với 300 mg đến 400 mg Naftidrofuryl oxalat/ngày.

Uống thuốc với ít nhất 1 ly nước đầy để tránh viên thuốc đọng ở thực quản gây kích ứng và loét thực quản.

Chống Chỉ Định:

- Bệnh nhân mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

- Block nhĩ thất.

Lưu ý Đặc Biệt Và Thận Trọng Khi Sử Dụng:

Bệnh nhân suy gan hoặc suy thận. Phụ nữ có thai, cho con bú.

Bệnh nhân suy tim nặng, rối loạn dẫn truyền. Naftidrofuryl không có tác dụng hạ áp huyết, do đó không thể dùng để điều trị cao huyết áp.

ĐỀ XA TÂM TAY TRẺ EM.

KHÔNG DÙNG QUÁ LIỀU CHỈ ĐỊNH.

Tương Tác Thuốc, Các Dạng Tương Tác Khác:

Có tác dụng cộng hưởng giữa Naftidrofuryl và các thuốc chống loạn nhịp chẹn Beta.

Sử Dụng Trên Phụ Nữ Có Thai Và Cho Con Bú:

- Phụ nữ có thai và cho con bú:

Do chưa có những nghiên cứu đầy đủ và có kiểm soát ở phụ nữ mang thai và cho con bú nên chống chỉ định cho phụ nữ mang thai và cho con bú.

- Người lái xe và vận hành máy móc:

Thuốc không gây buồn ngủ nên sử dụng được cho người lái xe và vận hành máy móc.

Tác Dụng Không Mong Muốn.

Ngoại lệ:

Một vài trường hợp bị tổn thương gan đã được ghi nhận.

Một vài bệnh nhân không dùng nước để uống thuốc, sau đó đi ngủ, thuốc không xuống được dạ dày gây hiện tượng viêm thực quản tại chỗ.

Thỉnh thoảng:

Rối loạn tiêu hóa (buồn nôn, nôn, đau thượng vị, tiêu chảy);

Chóng mặt, nhức đầu, kích thích, rối loạn giấc ngủ;

Phản ứng da;

Viêm gan.

Quá Liều và Xử Trí:

Dùng thuốc quá liều theo đường uống, ngộ độc cấp tính có thể được biểu hiện những rối loạn nhận thức, co giật.

Hướng xử lý: rửa dạ dày, có thể dùng than hoạt tính, theo dõi các dấu hiệu sống, điều trị hỗ trợ.

Đóng Gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên nén bao phim.

Bảo Quản: Nơi khô ráo, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

Tiêu Chuẩn Chất Lượng: Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Hạn Dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất thuốc:

Công ty Cổ phần dược phẩm MEDISUN.

Địa chỉ: 521 An Lợi, Hòa Lợi, Bến Cát, Bình Dương.

Điện thoại: (0274).3589036

Phân phối bởi:

Tên cơ sở đăng ký:

Công ty TNHH SHINE PHARMA

Địa chỉ: 40/7 Đất Thánh, P.6, Q.Tân Bình, TP.HCM

Số ĐT: (028) 38 632 632